

Số: 790/QĐ-ĐHKTL Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/QTT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia về việc ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/04/2017 của Giám đốc ĐHQG TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho Quyết định số 998/QĐ-ĐHKTL ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng, Khoa, Bộ môn và các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

QUY ĐỊNH

Đào tạo cử nhân chất lượng cao

hệ đại học chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 790/QĐ-ĐHKTLC ngày 10 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định điều kiện, quy trình đăng ký học, phương thức đào tạo chương trình cử nhân chất lượng cao (bao gồm cử nhân chất lượng cao và cử nhân chất lượng cao bằng tiếng Anh) hệ đại học chính quy tại trường Đại học Kinh tế - Luật (sau đây gọi là đào tạo chất lượng cao, viết tắt là ĐTCLC).
2. Văn bản này áp dụng cho hoạt động đào tạo chất lượng cao hệ đại học chính quy của trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo đại trà* là chương trình đào tạo (viết tắt là CTĐT) trình độ đại học đang được thực hiện hợp pháp tại Trường, có mức trần học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.
2. *Chương trình đào tạo chất lượng cao* (viết tắt là CTCLC) là CTĐT có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn CTĐT đại trà tương ứng, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Quy định này.
3. *Tiêu chí xác định CTCLC* gồm những quy định về CTĐT, tuyển sinh, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học (viết tắt là NCKH), hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện CTCLC được xác định cụ thể trong Quy định này.

Điều 3. Mục đích đào tạo chất lượng cao

Sử dụng các điều kiện giảng dạy tốt tại trường Đại học Kinh tế - Luật nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Điều 4. Tổ chức và điều hành CTCLC

1. Ban điều hành CTCLC (gọi tắt là Ban điều hành)

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban điều hành CTCLC;

Ban điều hành CTCLC là bộ phận giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc định hướng, chỉ đạo, điều hành hoạt động; triển khai, tổ chức đào tạo các CTCLC đã được ĐHQG phê duyệt;

Định kỳ hằng quý, học kỳ và năm học, Ban điều hành CTCLC tổ chức họp, hội nghị rà soát công tác triển khai các CTCLC theo kế hoạch và các quy định về ĐTCLC;

Điều hành và xử lý các công việc thường xuyên của Ban điều hành là bộ phận thường trực Ban điều hành (gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và uỷ viên thường trực);

2. Tổ thư ký Ban điều hành CTCLC (gọi tắt là Tổ thư ký)

Hiệu trưởng quyết định thành lập Tổ thư ký Ban điều hành CTCLC trên cơ sở đề xuất của thường trực Ban điều hành;

Tổ thư ký có nhiệm vụ giúp việc cho Ban điều hành trong việc triển khai, theo dõi tiến độ, tổng hợp báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của CTCTL theo kế hoạch;

3. Thành viên Ban điều hành, Tổ thư ký và các cá nhân tham gia CTCLC được hưởng thù lao theo công việc quy định tại mục 2.2 của phụ lục số 2 đính kèm.

Điều 5. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo chất lượng cao (CTĐT CLC) được xây dựng và phát triển trên nền của CTĐT đại trà; có tham khảo CTĐT nước ngoài.
2. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao phải cao hơn của CTĐT đại trà tương ứng về năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác; riêng năng lực ngoại ngữ tối thiểu phải đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương).
3. CTCLC được tổ chức trong điều kiện giảng dạy và học tập: Đội ngũ giảng dạy được tuyển chọn từ những giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm giảng dạy; phương pháp giảng dạy hiện đại; phòng học trang bị đầy đủ phương tiện giảng dạy; ưu tiên sử dụng phòng mô phỏng, thư viện và các điều kiện khác; chương trình đào tạo gắn liền với thực tế.

4. CTCLC được rà soát, điều chỉnh và cập nhật định kỳ 2 năm/lần theo chu kỳ điều chỉnh chương trình đào tạo chung của Trường.

Điều 6. Giảng viên, trợ giảng

1. Giảng viên

- a. Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù);
- b. Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học (viết tắt là NCKH) đáp ứng yêu cầu của CTĐT CLC; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan tới ngành đào tạo chất lượng cao từ 3 năm trở lên; áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;
- c. Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại điểm a, b khoản này, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;
- d. Mời giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài) hoặc giảng viên Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của CTCLC tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành;
- e. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC do Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của Ban điều hành và trưởng đơn vị chuyên môn, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Trợ giảng

- a. Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần, sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar và khoá luận tốt nghiệp;
- b. Nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên giỏi ở các CTĐT cử nhân tài năng và cử nhân CTCLC có thể tham gia làm trợ giảng;

- c. Môn học có trợ giảng do Ban điều hành quyết định căn cứ đề xuất của Khoa đào tạo.
Thời lượng trợ giảng bằng 40% số tiết của môn học;
- d. Tổng số tín chỉ các môn học có trợ giảng chiếm không quá 40% tổng khối lượng của toàn bộ CTĐT.

Điều 7. Cán bộ quản lý và cố vấn học tập

- 1. Cán bộ quản lý CTCLC phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.
- 2. Cố vấn học tập
 - a. Phải nắm vững CTĐT và quy định về CTCLC, có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc;
 - b. Có trách nhiệm theo dõi kết quả học tập của sinh viên và tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập;
 - c. Gặp gỡ định kỳ và thường xuyên với lớp nhằm tư vấn công việc học tập, cuộc sống và hỗ trợ các vấn đề khác cho sinh viên;
 - d. Hỗ trợ sinh viên tham gia các chương trình tham quan, kiến tập, thực tập thực tế;
 - e. Được hưởng thù lao theo quy định tại mục 3.2.2 của phụ lục đính kèm;
 - f. Một giảng viên không làm cố vấn học tập quá 2 lớp sinh viên đang còn học tại Trường.

Điều 8. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

- 1. Có phòng học riêng cho lớp CLC, được trang bị máy tính kết nối mạng internet và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập; sinh viên CTCLC có nơi tự học ở trường, được sử dụng mạng internet không dây.
- 2. Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (tiếng Anh); có tài liệu điện tử; có trang thiết bị hỗ trợ tra cứu và khai thác tài nguyên thông tin phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên - sinh viên.
- 3. Sinh viên CTCLC được cung cấp miễn phí sách giáo trình, tài liệu học tập tương ứng với các môn học do giảng viên của trường biên soạn và phát hành; nếu các giáo trình không do giảng viên của trường biên soạn và phát hành, sinh viên được mượn từ thư viện theo lịch học của học kỳ.

4. Sinh viên được ưu tiên sử dụng thư viện, phòng mô phỏng, phòng đọc, phòng thảo luận.

Điều 9. Nghiên cứu khoa học

1. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy học phần lý thuyết ngành và chuyên ngành của CTCLC phải có tối thiểu 01 công trình NCKH được công bố hoặc được nghiệm thu.
2. Trong cả khoá học, mỗi sinh viên CTCLC phải được tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài NCKH với giảng viên.
3. Báo cáo kết quả nghiên cứu từ thực tập – thực tế, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên CTCLC đạt kết quả tốt sẽ được Trường hỗ trợ để nâng cấp thành đề tài NCKH và công nhận đạt chuẩn đầu ra về NCKH.
4. Hàng năm, giảng viên và sinh viên CTCLC phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC.

Điều 10. Hợp tác quốc tế

Trường thực hiện một số hoặc tất cả các hình thức hợp tác quốc tế sau để hỗ trợ phát triển CTCLC: bồi dưỡng, trao đổi giảng viên và sinh viên; tổ chức hợp tác NCKH, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, giao lưu học thuật; liên kết thư viện, trao đổi kinh nghiệm, thông tin, tài liệu, ấn phẩm khoa học; tham gia các tổ chức khoa học, nghề nghiệp quốc tế liên quan đến CTCLC.

Điều 11. Tuyển sinh

1. Chỉ tiêu đào tạo CTCLC nằm trong tổng chỉ tiêu đào tạo đã xác định hàng năm của Trường theo quy định.
2. Điều kiện tuyển sinh
 - a. Thí sinh là công dân Việt Nam đáp ứng các yêu cầu theo quy chế, quy định tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG TP.HCM và Trường;
 - b. Thí sinh là người nước ngoài, ngoài đáp ứng các yêu cầu chung, phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam, có năng lực tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo do nhà Trường quy định;
 - c. Tự nguyện tham gia học, cam kết đóng học phí theo quy định của Trường.

Điều 12. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Tổ chức đào tạo CTCLC phải đảm bảo:
 - a. Tổ chức đào tạo theo hình thức tín chỉ, sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các vấn đề chuyên môn. Trong nội dung đề cương môn học phải chi tiết các chuẩn đầu ra và các phương pháp giảng dạy phù hợp để đáp ứng chuẩn đầu ra. Tổ chức giảng dạy môn học phải bám sát với nội dung môn học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;
 - b. Có tối thiểu 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh, trong đó có ít nhất $\frac{1}{2}$ số tín chỉ do giảng viên được quy định tại điểm d, khoản 1, điều 6 của Quy định này đảm nhiệm; Đối với chương trình CLC bằng tiếng Anh, 100% môn học cơ sở ngành, chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh.
 - c. Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, lãnh đạo, nhà quản lý, nghệ nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH;
Đầu mỗi khóa học và năm học, các Khoa đào tạo xây dựng kế hoạch trình Ban điều hành và nhận phân bổ kinh phí để thực hiện chương trình;
 - d. Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của CTĐT;
 - e. Bố trí đủ trợ giảng cho mỗi học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành;
 - f. Bố trí đủ người giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

- g. Tổ chức quy mô lớp học: lớp học lí thuyết không quá 50 sinh viên/lớp;
- h. Khoa chuyên môn đề xuất danh sách giảng viên có trình độ và kinh nghiệm giảng dạy cho lớp thuộc CTCLC, Ban điều hành sẽ phân công cụ thể giảng viên phụ trách môn học dựa vào phản hồi của sinh viên, kết quả khảo sát môn học hàng năm của giảng viên và chuẩn quy định về giảng viên theo điều 6 trong quy định này. Đối với từng môn học, giảng viên giảng dạy môn học cung cấp đề cương môn học vào đầu kỳ cho sinh viên và lịch tiếp sinh viên trong suốt quá trình môn học;

2. Quản lý đào tạo

- a. Phòng Đào tạo là đơn vị thường trực quản lý đào tạo CTCLC;
- b. Hình thành Văn phòng Ban điều hành CTCLC đặt tại Phòng Đào tạo, có cán bộ quản lý chuyên trách theo dõi, quản lý và tổ chức triển khai thực hiện CTCLC;
- c. Khoa đào tạo chịu trách nhiệm về chuyên môn, phối hợp với Ban điều hành, Phòng Đào tạo quản lý CTCLC đảm bảo mục tiêu và kế hoạch đào tạo của chương trình;
- d. Cố vấn học tập, giảng viên ngoài giờ lên lớp phải bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về nội dung học tập.

3. Thay đổi trong quá trình đào tạo

- a. Trường hợp sinh viên CTCLC không đủ điều kiện để tiếp tục theo học CTCLC, Ban điều hành quyết định cho sinh viên chuyển sang học CTĐT đại trà hoặc buộc thôi học theo Quy chế học vụ của Trường;
- b. Sinh viên đang theo học CTCLC nếu có nhu cầu xin chuyển về CTĐT đại trà có thể nộp đơn vào tuần đầu tiên của mỗi học kỳ và được Ban điều hành xem xét và ra quyết định khi thoả mãn các điều kiện chuyển chương trình, ngành đào tạo; các khoản học phí chi cho hoạt động học tập trước đó nhà trường không có nghĩa vụ hoàn trả cho sinh viên;
- c. Sinh viên CTĐT đại trà có nhu cầu và có điểm trung bình chung tích lũy từ 6.5 trở lên có thể được Nhà trường xem xét tiếp nhận vào CTCLC. Trường chỉ tiếp nhận vào CTCLC khi thoả mãn các điều kiện chuyển chương trình, ngành đào tạo, chuyển trường theo quy định hiện hành và lớp chất lượng cao sinh viên có nguyện vọng chuyển vào còn chỉ tiêu. Đơn xin chuyển vào chương trình nhận vào đầu mỗi học kỳ và chỉ được xem xét trong 4 học kỳ đầu tiên.

Điều 13. Cơ cấu tài chính

Cơ cấu chi tiêu tài chính đối với nguồn thu từ CTCLC như sau:

TT	Nội dung	Cơ cấu % trên tổng nguồn thu
1	Chi phí giảng dạy (giảng viên trong nước và nước ngoài)	$\leq 40\%$
2	Chi phí nghiên cứu khoa học	$\geq 8\%$
3	Chi phí quản lý, thuê mướn, nghiệp vụ chuyên môn, vật tư, nguyên vật liệu...	$\geq 20\%$
4	Trích lập quỹ tái phân phối, đầu tư phát triển	Cân đối theo thực tế

Căn cứ trên nguồn thu từ chương trình và cơ cấu chi nêu trên, nhà Trường xác định mức chi thù lao giảng dạy, nghiệp vụ chuyên môn,... chi tiết phù hợp với nhu cầu thực tế và đặc thù đào tạo của từng chương trình.

Điều 14. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của các CTCLC tuân thủ theo quy định nhà nước hiện hành và đảm bảo theo cơ cấu Điều 13 của quy định này.
2. Trường quy định chi tiết, cụ thể về hoạt động thu chi cho CTCLC theo từng năm học (ban hành phụ lục kèm Quy định này).

Điều 15. Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo chất lượng cao

1. Trường tổ chức đào tạo CTCLC tuân thủ các quy định về đào tạo CLC của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG TP.HCM.
2. Trường và các khoa đào tạo xây dựng kế hoạch và triển khai triệt để các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục các CTCLC.
3. Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá của giảng viên; công tác quản lý; điều kiện về cơ sở vật chất; điều kiện hỗ trợ về nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; các hoạt động về tư vấn, hướng nghiệp và phục vụ sinh viên; và các vấn đề khác.
4. Ban điều hành và các khoa có trách nhiệm giải quyết và phản hồi các báo cáo, đề xuất, kiến nghị và phản ánh của giảng viên, viên chức và sinh viên.

Điều 16. Kiểm định chương trình đào tạo chất lượng cao

1. Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng của CTCLC và xây dựng kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định CTCLC.
2. Trường đăng ký kiểm định CTCLC sau 2 khoá tốt nghiệp, theo quy định về kiểm định CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG TP.HCM.
3. Trường lập kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định CTCLC bởi tổ chức kiểm định của nước có CTĐT tham khảo hoặc tổ chức kiểm định có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định và hướng dẫn trước đây trái với Quy định này được bãi bỏ.
2. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở các đề xuất của Ban điều hành.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC 1

ĐỊNH MỨC THU, CƠ CẤU CHI VÀ ĐỊNH MỨC CHI CHO SINH VIÊN

NĂM HỌC 2017 - 2018

*(phụ lục Điều 14 của Quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao
hệ đại học chính quy, Ban hành kèm theo Quyết định số 790/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 08
năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)*

1.1 Mức thu học phí

Học phí được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo, tương ứng với chất lượng cao và ổn định trong suốt khóa học. Mức học phí nếu có điều chỉnh sẽ thực hiện theo tỷ lệ tăng học phí phù hợp với quy định hiện hành và được thông tin đến người học biết trước 03 tháng kể từ khi bắt đầu năm học mới. Mức thu học phí 1 năm học/1 sinh viên của chương trình như sau:

TT	Năm	Mức thu		Ghi chú
		Niên chế (1.000 đ/sv/năm học)	Tín chỉ (1.000 đồng/tín chỉ)	
I. Chương trình CLC				
1	Thứ nhất	22.000	675 / tín chỉ	
2	Thứ hai	25.000	770 / tín chỉ	
3	Thứ ba	28.000	860 / tín chỉ	
4	Thứ tư	31.000	950 / tín chỉ	
II. Chương trình CLC tiếng Anh				
1	Nhập học 2016	35.000	1.166 / tín chỉ	Mức thu ổn định cho toàn khóa học.
2	Nhập học 2017	39.000	1.300 /tín chỉ	Đối với môn học giảng dạy tiếng Việt mức thu học phí tính bằng mức thu tín chỉ chương trình CLC.

1.2 Học cải thiện, học trả nợ học phần và học vượt

- Đối với học cải thiện điểm, trả nợ học phần: Sinh viên CTCLC học cải thiện, trả nợ học phần theo CTCLC hoặc chương trình đại trà; mức thu học phí tính bằng mức thu tín chỉ của chương trình sinh viên đăng ký học. Trường hợp tổ chức học trả nợ học phần riêng cho lớp thuộc CTCLC, mức thu học phí tính bằng mức thu tín chỉ của CTCLC.

- Đối với học vượt: Sinh viên có thể học vượt các môn học *tự chọn* với các lớp CTĐT đại trà; đối với các môn học chính sinh viên phải học vượt với CTCLC; học phí học vượt được tính trong tổng số tiền học phí sinh viên đóng trong quá trình đào tạo nếu sinh viên đóng theo dạng niên chế hoặc theo mức thu tương ứng hàng năm nếu sinh viên đóng theo dạng tín chỉ.

- Đối với học tiếng Anh tăng cường và các hoạt động đào tạo khác: Sinh viên thực hiện lịch học và nộp tiền học phí theo thông tin khóa học do nhà trường tổ chức.

1.3 Cơ cấu chi

TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
1	Chi học bổng sinh viên	10%	Theo quy định trích lập tối thiểu 8%
2	Chi tổ chức tham quan kiến tập thực tế của sinh viên	5%	Thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển; chi phí lưu trú; tiền ăn; chi phí đối ngoại và chi phí khác
3	Chi NCKH, hoạt động học thuật, thực tập & nghiên cứu thực tiễn của sinh viên	8%	Đối với sinh viên năm thứ 4, dành 7% trong mức chi của mục này cho hoạt động thực tập & nghiên cứu thực tiễn của SV
4	Chi tài liệu, giáo trình	5%	
5	Chi thù lao giảng	25%	Theo quy định ĐHQG-HCM $\leq 40\%$
6	Chi thù lao quản lý (bao gồm kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành, Tổ Thư ký, Cố vấn học tập, Văn phòng Ban điều hành, các đơn vị đào tạo và các đơn vị liên quan	9,5%	Theo quy định ĐHQG-HCM $\geq 20\%$
7	Chi đào tạo bồi dưỡng, tài liệu,	3%	

	giáo trình, trao đổi kinh nghiệm cho giảng viên; tổ chức, hướng dẫn sinh viên kiến tập; BDH tổ chức trao đổi kinh nghiệm.		
8	Chi bồi hoàn cơ sở vật chất	20%	
9	Chi điều tiết ĐHQG-HCM	3%	
10	Chênh lệch thu - chi	11,5%	Bổ sung chi thường xuyên và thu nhập tăng thêm
	TỔNG CỘNG	100%	

1.4 Định mức chi cho sinh viên

1.4.1 Mức, suất và yêu cầu về cấp học bổng

1.4.1.1 Tiêu chí xét học bổng theo quy định hiện tại (tiếp tục áp dụng trong năm học 2017 – 2018)

Căn cứ vào kết quả học tập mỗi học kỳ khoảng 20% trên tổng sĩ số lớp được xét học bổng và mức chi học bổng không quá 10% tổng học phí của lớp. Trong đó:

- Điểm trung bình học tập **không tính điểm môn Anh văn** (danh sách xét từ cao xuống thấp).

- Điểm rèn luyện ≥ 70 điểm (loại Khá trở lên)

- Số tín chỉ tối thiểu: 14 - 15 tín chỉ.

1.4.1.2 Tiêu chí xét học bổng được điều chỉnh, bổ sung và áp dụng sau năm học 2017 - 2018

Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, kết quả học tập mỗi học kỳ khoảng 20% trên tổng sĩ số lớp được xét học bổng: gồm các loại học bổng toàn phần (100%) và học bổng bán phần (25% – 50%).

a. Nguyên tắc phân bổ học bổng

- Số suất được hưởng học bổng/01 lớp học không vượt 20% sĩ số sinh viên và kinh phí không vượt quá 10% /tổng thu của lớp học trong học kỳ.

- Suất học bổng đáp ứng yêu cầu mức nào sẽ được nhận tương ứng mức chi đó. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì không xét học bổng.

b. Phân loại học bổng (I, II, III)

Loại học bổng	Điểm học tập	Điểm rèn luyện
I	Xuất sắc (≥ 9)	Xuất sắc (≥ 90)
II	Xuất sắc	Tốt (≥ 80)
	Giỏi (≥ 8)	Tốt, Xuất sắc
III	Xuất sắc	Khá (≥ 70)
	Giỏi	Khá
	Khá	Khá, Tốt, Xuất sắc

c. Bảng phân bổ học bổng theo quy mô từng lớp

Bảng phân bổ học bổng từng lớp theo thứ tự xếp loại từ cao đến thấp, điểm trung bình học tập bao gồm cả điểm tiếng Anh, số tín chỉ tối thiểu là 14 tín chỉ; nếu trường hợp trùng điểm trong xếp loại sẽ sử dụng tiêu chí phụ về nguyên tắc xét ưu tiên. Trường hợp khác, do Hội đồng xét học bổng xem xét và quyết định.

Mức học bổng	Số suất tối đa	Điều kiện áp dụng (theo tiêu chí phân loại học bổng)
HB toàn phần (100%)	01 suất/lớp	Loại I, Loại II
HP bán phần (50%)	02 suất/lớp	Loại I, Loại II, Loại III
HB bán phần (25%)	Số suất còn lại Công thức tính: (20%*số lớp) – số suất HB 100% và 50% thực cấp	Loại I, Loại II, Loại III

d. Nguyên tắc xét học bổng ưu tiên:

- (1) Phân loại học bổng (I, II, III) (theo mục b)
- (2) Điểm học tập
- (3) Điểm rèn luyện
- (4) Điểm tích lũy học tập
- (5) Tổng số tín chỉ tích lũy trong học kỳ

+ Hình thức thực hiện học bổng sẽ do BDH quyết định chi bằng tiền hoặc quy đổi thành chương trình hỗ trợ kinh phí tham quan kiến tập, trao đổi sinh viên tại nước ngoài (trên cơ sở thống nhất với người học) để thực hiện.

+ Định mức chi thực hiện theo cơ cấu chi tại điểm 1.3 của phụ lục này.

1.4.2 Tham quan, kiến tập

+ Sinh viên CTCLC được hỗ trợ kinh phí tổ chức đi tham quan tại các tổ chức, doanh nghiệp để làm quen với môi trường làm việc và công việc trong tương lai của mình.

+ Trường hợp kinh phí của chương trình không đủ để chi phí cho tổ chức, tùy từng nội dung và tính chất quan trọng của chuyến tham quan, thực tập tại các doanh nghiệp trong hay ngoài nước; các đơn vị chủ động trao đổi với sinh viên để chia sẻ kinh phí thực hiện nhằm tổ chức chuyến đi được hiệu quả.

+ Kinh phí trong năm tổ chức đi thực tế, kiến tập hoặc thực tập ở nước ngoài chưa tổ chức thực hiện được và có lý do phù hợp, nếu được Ban Điều hành xem xét đồng ý sẽ được chuyển kinh phí để sử dụng cho năm liền kề (không chuyển kinh phí 2 năm liên tiếp với 1 lớp học). Hoặc kinh phí trong năm không đủ để hỗ trợ cho sinh viên, lớp học đi kiến tập, trao đổi trong nước hoặc nước ngoài sẽ được Ban Điều hành xem xét cho tạm ứng trước kinh phí của những năm học còn lại (trên cơ sở thống nhất với người học) để thực hiện.

+ Đối với lớp không tổ chức tham quan, kiến tập theo hình thức tập trung (được Ban Điều hành đồng ý). Định mức chi thanh toán bằng 50% mức chi theo quy định để hỗ trợ cho sinh viên và 50% còn lại hỗ trợ giảng viên hướng dẫn, đơn vị tiếp nhận sinh viên.

+ Mỗi chuyến đi của lớp học hoặc của ngành học được cử 01 giảng viên cùng tham gia tổ chức, quản lý, hướng dẫn /1 lớp sinh viên. Kinh phí Trường hỗ trợ và chi trả cho giảng viên như sau:

- (i) Chi phí vé máy bay, ăn, ở, di chuyển tính theo Quy chế chi tiêu nội bộ với đi trong nước, theo giá tour thực tế đối với đi nước ngoài.
- (ii) Thù lao mỗi ngày làm việc của giảng viên được tính tương đương 10 tiết giảng/ngày (tối đa 45 tiết); trong đó đơn giá tính thù lao đi trong nước bằng đơn giá tiết chuẩn giảng dạy bằng tiếng Việt, đơn giá tính thù lao đi nước ngoài bằng đơn giá tiết chuẩn giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Nghiên cứu khoa học: Sinh viên được xét duyệt và hỗ trợ kinh phí để tham gia nghiên cứu khoa học, chương trình học thuật của Khoa, Trường. Tiêu chí xét duyệt theo quy định chung của Trường về quản lý khoa học. Định mức chi thực hiện theo điểm 1.3 của phụ lục này.

1.4.3 Tài liệu, giáo trình

+ Sinh viên CTCLC được cấp phát tài liệu, giáo trình thông qua hệ thống thư viện của trường (nguồn tài liệu do trường phát hành, sinh viên được phát miễn phí; đối với nguồn tài liệu mua từ bên ngoài, sinh viên mượn để học tập).

+ Trường hợp nguồn tài liệu chưa cung cấp kịp thời với nhiều lý do khác nhau, Ban Điều hành thực hiện chi hỗ trợ kinh phí để photo, in... tài liệu, giáo trình cho lớp học, mức chi do Ban Điều hành xem xét và quyết định để thực hiện.

1.4.4 Chế độ chính sách

Trường hợp sinh viên CTCLC thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn sẽ được xem xét miễn giảm học phí theo quy định hiện hành. Các đối tượng là con em cán bộ viên chức của trường và các trường hợp khác do Ban Điều hành xem xét, đề xuất Hiệu trưởng quyết định mức chi miễn giảm học phí để thực hiện.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

